

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BÈ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HS-ST

Ngày: 20/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BÈ, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ma Thị Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lục Minh Đường** và bà **Lý Thị Thịnh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Bào Kim Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Hà Hữu Dũng** và ông **Ma Thế Thiện** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2021/HSST, ngày 19 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

TRIỆU VĂN P (Tên gọi khác: L) - Sinh ngày 05/8/1990 tại huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Chiều O và bà Đặng Mùi D ; vợ là Phùng Mùi K và 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016): tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo sinh ra, lớn lên, xây dựng gia đình năm 2010 và sinh sống tại thôn N, xã T, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nông Thị Chiên – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Anh Nông Văn T, sinh năm 1978. Trú tại: Thôn N, xã T, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

**** Người chứng kiến:***

1. Ông Cao Đức H, sinh năm: 1976.
2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1973.
3. Ông Nguyễn Đạt D, sinh năm 1975.

Đều cư trú tại: Thôn N, xã B, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

(Những người chứng kiến đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18^h 30' ngày 16/12/2020 tại khu vực thôn N, xã B, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Ba Bể lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Triệu Văn P về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ và niêm phong 02 (hai) gói ma túy heroine vào phong bì ký hiệu A1 (Tiền hành cân xác định khối lượng được là 1,98 gam, niêm phong 1,98 gam chất dạng cục, bột màu trắng vào phong bì ký hiệu B1 gửi giám định); tạm giữ 02 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; 01 xe mô tô BKS 11N1-003.18; số tiền 1.051.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Triệu Văn P khai nhận: Bản thân là người nghiện ma túy nên khoảng 15 giờ ngày 16/12/2020, Phụ điều khiển xe mô tô BKS 11N1-003.18 của Nông Văn T chở Tài đi từ thôn N, xã T, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng đến huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn chơi. Khi đến địa phận thôn N, xã B, huyện Ba Bể, P nhìn thấy một người đàn ông không rõ danh tính đang đứng ở cạnh đường có biểu hiện giống người nghiện ma túy nên P điều khiển xe đi thêm một đoạn đường nữa rồi P cho T xuống xe, P một mình quay lại gặp người đàn ông đó để hỏi mua ma túy. P đưa cho người đàn ông này 3.800.000 đồng được 02 gói ma túy. Mua được ma túy Triệu Văn P quay lại chỗ Nông Văn T nói với T là nhà có việc không đi chơi nữa và cùng T đi về. Tài không biết việc P mua và tàng trữ ma túy trong người. Trên đường về đến địa phận thôn N, xã B, huyện Ba Bể thì bị tổ công tác Công an huyện Ba Bể phát hiện, bắt quả tang và thu giữ trên người P 02 gói ma túy dạng cục, bột màu trắng có khối lượng 1,98 gam.

Tại Kết luận giám định số: 04/KTHS-MT, ngày 20/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, kết luận: Mẫu chất dạng cục, bột màu trắng trong phong bì ký hiệu B1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có tổng khối lượng là 1,98 gam (Một phẩy chín mươi tám gam).

Tại bản cáo trạng số: 12/CT-VKSBB ngày 14/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Triệu Văn P về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 249 của Bộ luật hình sự;

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

a)....

c) Heroine,có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05gam;.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo P. Đề nghị: Tuyên bố: Bị cáo Triệu Văn P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 249; Điều 38; điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phu từ 15 đến 18 tháng tù. Được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 17/12/2020 đến ngày 25/12/2020. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo P.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu B2 bên trong có chứa toàn bộ giấy gói chất ma túy thu được và phong bì niêm phong cũ; 01 phong bì mẫu hoàn trả đã niêm phong ký hiệu T04 bên trong có chứa: Mẫu chất trong phong bì niêm phong ký hiệu B1 còn lại là 1,80 gam (một phẩy tám mươi gam) cùng phong bì, bao gói cũ.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG màu bạc, đã qua sử dụng, đề nghị trả lại cho Triệu Văn P.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG màu vàng, đã qua sử dụng, đề nghị trả lại cho Nông Văn T.

- 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu FIVE MOST, màu đỏ đen, BKS 11N1 - 003.18, xác định chủ xe của Nông Văn T, đề nghị trả lại cho Nông Văn T.

- Số tiền 1.051.000 VN đồng: Trong đó xác định được 902.000^d (Chín trăm linh hai nghìn đồng) là của Nông Văn T, đề nghị trả lại cho T. Số tiền 149.000 đồng là của Triệu Văn P, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của P nên đề nghị trả lại cho Triệu Văn P.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, Bị cáo thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo P trình bày bản bào chữa đồng ý với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể truy tố và xét xử bị cáo Phu về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c, khoản 1, điều 249/BLHS là đúng. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51/BLHS. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, bị cáo thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Do bị cáo là người dân tộc thiểu số, không được đi học mù chữ, nhận thức pháp luật thấp đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

- Bị cáo P thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Văn T nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là trả lại xe mô tô BKS11N1 - 003.18, điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu vàng đã qua sử dụng và số tiền 902.000^d (Chín trăm linh hai nghìn đồng) cho Nông Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo P đều khai nhận: Vào hồi 18^h 30' ngày 16/12/2020 tại khu vực thôn N, xã B, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, Triệu Văn P đã có hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp 1,98 gam (Một phẩy chín mươi tám gam) chất ma túy (loại Heroine). Mục đích Triệu Văn P tàng trữ trái phép chất ma túy là phục vụ cho nhu cầu sử dụng chất ma túy của bản thân, ngoài ra không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Triệu Văn P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c, khoản 1, Điều 249 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma túy, làm gia tăng tội phạm, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy: Bị cáo Triệu Văn Phu có nhân thân tốt. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo Phu khai mua với một người đàn ông không quen biết tại thôn N, xã B, huyện Ba Bể bị cáo P không biết họ, tên, địa chỉ của người đàn ông này nên không có cơ sở để điều tra xác minh.

[5]. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Văn T: Quá trình điều tra, xác minh làm rõ chiếc xe mô tô nhãn hiệu FIVE MOST, màu đỏ đen, BKS 11N1 - 003.18, tên chủ xe Phùng Văn S, sinh năm 1994. trú tại: Thôn P, xã T, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Sù khai nguồn gốc xe là của S mua vào năm 2011, nhưng do không có nhu cầu sử dụng nên Sù đã bán cho Nông Văn T

vào cuối năm 2020, S và T không làm giấy tờ mua bán mà hai bên chỉ thỏa thuận mua bán với giá là 2.000.000 đồng, Tài đã trả đủ tiền cho S, nên Phùng Văn S xác nhận xe mô tô BKS 11N1 - 003.18 là thuộc quyền sở hữu của Nông Văn T. Lời khai của Nông Văn T cũng phù hợp với lời khai của S. Do vậy, có cơ sở khẳng định chiếc xe mô tô nhãn hiệu FIVE MOST, màu đỏ đen, BKS 11N1 - 003.18 là của Nông Văn T. Ngày 16/12/2020 Phùng sử dụng xe này chở T đi xuống thị trấn C, huyện Ba Bể trên đường đi P mua ma túy và tàng trữ trong người T không biết, nên có căn cứ xác định xe mô tô trên không liên quan đến hành vi phạm tội của Triệu Văn P. Do đó, cần trả lại xe mô tô BKS 11N1 - 003.18 cho Nông Văn T là đúng quy định của pháp luật.

[6]. Về vật chứng:

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu B2 bên trong có chứa toàn bộ giấy gói chất ma túy thu được và phong bì niêm phong cũ; 01 phong bì mẫu hoàn trả đã niêm phong ký hiệu T04 bên trong có chứa: Mẫu chất trong phong bì niêm phong ký hiệu B1 còn lại là 1,80 gam (một phẩy tám mươi gam) cùng phong bì, bao gói cũ – tất cả không có giá trị, tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG màu bạc, đã qua sử dụng, trả lại cho Triệu Văn P.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG màu vàng, đã qua sử dụng, trả lại cho Nông Văn T.

- 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu FIVE MOST, màu đỏ đen, BKS 11N1 - 003.18, xác định chủ xe của Nông Văn T, trả lại cho Nông Văn T.

- Số tiền 1.051.000 VNĐ: Trong đó xác định được 902.000^d (Chín trăm linh hai nghìn đồng) là của Nông Văn T, trả lại cho Tài. Số tiền 149.000 đồng là của Triệu Văn P, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của P nên trả lại cho Triệu Văn P.

[7]. Hình phạt bổ sung: Tài liệu trong hồ sơ vụ án xác định bị cáo không có tài sản đảm bảo cho việc thi hành án, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo P.

[8]. Về án phí: Căn cứ Điều 12 và Điều 15 - Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đủ điều kiện được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- * Tuyên bố bị cáo Triệu Văn P phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- * Căn cứ điểm c, Khoản 1, Điều 249; Điều 38; điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn P: 15 (Mười lăm) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 17/12/2020 đến ngày 25/12/2020.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu B2 bên trong có chứa toàn bộ giấy gói chất ma túy thu được và phong bì niêm phong cũ; 01 phong bì mẫu hoàn trả đã niêm phong ký hiệu T04 bên trong có chứa: Mẫu chất trong phong bì niêm phong ký hiệu B1 còn lại là 1,80 gam (một phẩy tám mươi gam) cùng phong bì, bao gói cũ.

- Trả lại cho Triệu Văn P: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG màu bạc, đã qua sử dụng,

- Trả lại cho Nông Văn T: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG màu vàng, đã qua sử dụng. 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu FIVE MOST, màu đỏ đen, BKS 11N1 - 003.18.

- Số tiền 1.051.000 VN đồng: Trả lại cho Nông Văn T 902.000^d (Chín trăm linh hai nghìn đồng). Trả lại cho Triệu Văn P số tiền 149.000^d (Một trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 19/4/2021 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Bể và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể)

* Về án phí: Căn cứ Điều 12, Điều 15 - Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Văn P.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKSND H.Ba Bể 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện Ba Bể 2;
- Bị cáo 1;
- NCQLNVLQ 1;
- Người bào chữa cho BC1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TA tỉnh Bắc Kạn 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu 1;

Ma Thị Nguyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lục Minh Đường + Lý Thị Thịnh

Ma Thị Nguyên

